# PHỤ LỤC SỐ 02

## ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023, VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (LẦN 06 BỔ SUNG)

*(Kèm theo Tờ trình số 3337 /TTr-UBND ngày 15 /12/2023 của UBND huyện)*

| TT | DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch năm 2023 | | | | | | Tổng cộng | Điều chỉnh Kế hoạch năm 2023 | | | | | Tổng cộng | Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng cộng | Nguồn KH vốn đầu tư công 2023 | Bao gồm: | | Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 | Nguồn NST bổ sung năm 2023 | | Nguồn KH vốn đầu tư công 2023 | Bao gồm: | | Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 | Nguồn NST bổ sung năm 2023 | | Nguồn KH vốn đầu tư công 2023 | Bao gồm: | | Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 | Nguồn NST bổ sung năm 2023 | |
| | | | | | Vốn tiêu chí định mức | Vốn thu tiền sử dụng đất | | | | | Vốn tiêu chí định mức | Vốn thu tiền sử dụng đất | | | | | Vốn tiêu chí định mức | Vốn thu tiền sử dụng đất | | | |
| A | B | 1 | 1=2+5 | 2=3+4 | 3 | 4 | 5 | 10 | 6=7+10 | 7=8+9 | 8 | 9 | 10 | 10 | 11=12+15 | 12=13+14 | 13 | 14 | 15 | 15 | 16 |
| | **Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023** | **79,351** | **55,100** | **32,700** | **17,000** | **15,700** | **21,533** | **867** | **24,711** | **0** | **0** | **-** | **0** | **24,711** | **79,811** | **32,700** | **17,000** | **15,700** | **21,533** | **25,578** | |
| **I** | **Điều chỉnh các dự án, công trình** | **79,351** | **55,100** | **32,700** | **17,000** | **15,700** | **21,533** | **867** | **-1,010** | **-13,600** | **-3,600** | **-10,000** | **-12,121** | **24,711** | **54,090** | **19,100** | **13,400** | **5,700** | **9,412** | **25,578** | |
| 1 | Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392, đoạn từ xã Thanh Tùng về xã Lam Sơn và từ đường tỉnh 392 vào Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng (lần 01) | 6,679 | 5,867 | 5,000 | 1,000 | 4,000 | | 867 | 149 | -2,500 | | -2,500 | | 2,649 | 6,016 | 2,500 | 1,000 | 1,500 | 0 | 3,516 | |
| 2 | Đầu tư xây dựng hoàn thiện và mua sắm, lắp đặt trang thiết bị của Nhà văn hóa trung tâm huyện, Nhà công vụ huyện | 9,648 | 8,000 | 8,000 | 5,000 | 3,000 | | | 944 | -5,100 | -2,100 | -3,000 | | 6,044 | 8,944 | 2,900 | 2,900 | 0 | 0 | 6,044 | |
| 3 | Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ cầu vào Trung tâm Y tế huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) và chỉnh trang, mở rộng điểm đấu nối giữa phố Hoàng Xá với đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện | 5,915 | 5,000 | 5,000 | 2,000 | 3,000 | | | 268 | -1,500 | | -1,500 | | 1,768 | 5,268 | 3,500 | 2,000 | 1,500 | 0 | 1,768 | |
| 4 | Xây dựng khu hành chính tập trung huyện Thanh Miện; hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước (giai đoạn 1) | 5,000 | 4,500 | 3,000 | 3,000 | | 1,500 | | 49 | -500 | -500 | | -1,200 | 1,749 | 4,549 | 2,500 | 2,500 | 0 | 300 | 1,749 | |
| 5 | Cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cổng chào phía Đông và đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cống Neo, thị trấn Thanh Miện | 22,280 | 24,126 | 8,000 | 5,000 | 3,000 | 16,126 | | -6,717 | -3,000 | | -3,000 | -10,921 | 7,204 | 17,409 | 5,000 | 5,000 | 0 | 5,205 | 7,204 | |
| 6 | Nhà đa năng Trường THCS Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện | 6,900 | 2,320 | - | | | 2,320 | | 397 | - | | | | 397 | 2,717 | - | 0 | 0 | 2,320 | 397 | |
| 7 | Tu bổ, tôn tạo di tích nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng. Hạng mục: Nhà tưởng niệm, Nghi môn và các hạng mục phụ trợ | 7,933 | 2,700 | 2,700 | | 2,700 | | | 4,900 | - | | | | 4,900 | 7,600 | 2,700 | 0 | 2,700 | 0 | 4,900 | |
| 8 | Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ trụ sở Huyện ủy đến trụ sở Ủy ban nhân dân huyện | 14,996 | 2,587 | 1,000 | 1,000 | | 1,587 | | -1,000 | -1,000 | -1,000 | | | | 1,587 | - | 0 | 0 | 1,587 | 0 | |
| **II** | **Bổ sung các dự án, công trình, hỗ trợ các xã, thị trấn và hỗ trợ theo các chương trình của huyện** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **25,721** | **13,600** | **3,600** | **10,000** | **12,121** | **-** | **25,721** | **13,600** | **3,600** | **10,000** | **12,121** | **-** | |
| 1 | Cải tạo đường xã Hồng Phong, đoạn nối từ đường tỉnh 392B đến đường huyện Cao Thắng - Tiền Phong | | - | - | | | | | 1,000 | - | | | 1,000 | | 1,000 | - | 0 | 0 | 1,000 | 0 | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km0+000 - Km4+300, huyện Thanh Miện | | - | - | | | | | 14,721 | 3,600 | 3,600 | | 11,121 | | 14,721 | 3,600 | 3,600 | 0 | 11,121 | 0 | |
| 3 | Hỗ trợ các xã, thị trấn thanh toán nợ XDCB | | - | - | | | | | 10,000 | 10,000 | | 10,000 | | | 10,000 | 10,000 | 0 | 10,000 | 0 | 0 | |

| TT | DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH | Tổng mức đầu tư | Tổng cộng | Kế hoạch năm 2023 | | | | | Tổng cộng | Điều chỉnh Kế hoạch năm 2023 | | | | | Tổng cộng | Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nguồn KH vốn đầu tư công 2023 | Bao gồm: | | Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 | Nguồn NST bổ sung năm 2023 | | Nguồn KH vốn đầu tư công 2023 | Bao gồm: | | Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 | Nguồn NST bổ sung năm 2023 | | Nguồn KH vốn đầu tư công 2023 | Bao gồm: | | Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 | Nguồn NST bổ sung năm 2023 | |
| | | | | | Vốn tiêu chí định mức | Vốn thu tiền sử dụng đất | | | | | Vốn tiêu chí định mức | Vốn thu tiền sử dụng đất | | | | | Vốn tiêu chí định mức | Vốn thu tiền sử dụng đất | | | |
| A | B | 1 | 1=2+5 | 2=3+4 | 3 | 4 | 5 | 10 | 6=7+10 | 7=8+9 | 8 | 9 | 10 | 10 | 11=12+15 | 12=13+14 | 13 | 14 | 15 | 15 | 16 |